TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2025/DS-PT
Ngày: 20 – 8 – 2025
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp "Đòi tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1960, căn cước công dân số: 095160007354.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T: Luật sư Lương Thị Hồng M, sinh năm 1991 là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1), sinh ngày 01/01/1955, căn cước công dân số: 095055004968

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1): Bà Trịnh Hồng N, sinh năm 1986 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1964, căn cước công dân số: 095064000907

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

3. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

4. Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

5. Ông Trần Văn Ẩ, sinh năm 1973, căn cước công dân số: 095073003010

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ấp T, Xã C, tỉnh Cà Mau)

- Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T là nguyên đơn.

(Bà T, ông Đ, bà M, bà N có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà Huỳnh Thị T là em ruột của ông Huỳnh Vủ P. Vào ngày 13/02/2020, ông P có đến nhà của bà T nhận sổ lãnh tiền hàng tháng, sổ bảo hiểm của bà Phạm Thị T2. Bà Phạm Thị T2 là mẹ ruột của bà T và ông P. Khi đó, ông P nói với bà T nghe nói bà T có vàng giữ ở nhà nên ông P kêu bà T đưa vàng cho ông P gửi tiết kiệm để kiếm lãi hàng tháng phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Từ đó, do tin tưởng ông P nên bà T đã giao cho ông P nhận 14 chỉ 05 phân vàng 24k để gửi tiết kiệm dùm cho bà T. Đồng thời, ông P xác định chi phí lo hồ sơ là số tiền 3.730.000 đồng. Khi ông P nhận sổ lãnh tiền hàng tháng và sổ xã hội hàng tháng của bà T2 thì ông P có tự mình viết biên nhận đề ngày 13/02/2020 giao cho bà T. Nội dung trong biên nhận đề ngày 13/02/2020 thể hiện ông P có nhận 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, 01 sổ xã hội hàng tháng, 14 chỉ 05 phân vàng 24k và số tiền 3.730.000 đồng; có ông Trần Hoàng V là người xác nhận do ông Trần Hoàng V là người trực tiếp chứng kiến việc bà

T giao vàng cho ông P nên ông Trần Hoàng V xác nhận; có người giao là bà T, người nhận ông P. Từ khi giao cho ông P số tiền và số vàng trên, ông P không có đưa bà T số tiền lãi suất của số vàng 14 chỉ 05 phân vàng 24k. Mặc dù, bà T thường xuyên gặp gỡ ông P nhưng bà T không có hỏi ông P đến số vàng 14 chỉ 05 phân vàng 24k và tiền lãi suất hàng tháng; do bà T nghĩ là anh em với nhau, ông P giữ dùm cho bà T. Đến thời gian gần đây, bà T mới hỏi ông P số vàng trên thì ông P có nói đã giao cho bà Huỳnh Thị Thương S vàng trên và kêu bà T đi đòi bà T1. Bà T giao vàng cho ông P nhận nên bà T không biết gì liên quan đến việc ông P giao cho bà T1.

Việc sửa số 3 thành số 04 trong biên nhận ngày 13/02/2020 là do bà T tự mình sửa do ông P viết không đúng số vàng đã nhận từ bà T là 14 chỉ 05 phân vàng 24k nhưng ông P chỉ ghi 13 chỉ 05 phân vàng 24k nên bà T mới sửa số 3 thành số 04. Bà T đã giao cho ông P nhận 13 chiếc nhẫn vàng 24k; trong đó: 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 03 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 02 chỉ vàng 24k, 08 chiếc nhẫn có trọng lượng 01 chỉ vàng 24k và 03 chiếc nhẫn có trọng lượng 05 phân vàng 24k.

Nay, bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Vủ P có nghĩa vụ trả cho bà T số vàng là 14 chỉ 05 phân vàng 24K mà ông P đã nhận của bà T theo biên nhận ngày 13/02/2020 và không yêu cầu ông P trả tiền lãi suất.

Bị đơn ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1) trình bày: Ông P1 là anh ruột của bà T. Ông Huỳnh Văn K và bà Phạm Thị T2 là cha mẹ ruột của ông P1 và bà T. Ông K chết vào năm 1968. Sau khi ông K chết thì bà T2 sống một mình ở nhà của ông K và bà T2. Đến khi bà T2 lớn tuổi nên từ năm 2015 đến cuối năm 2019, bà T2 đã đến nhà của bà T sống chung với gia đình bà T. Bà T2 là bà mẹ Việt Nam anh H; có 01 người chồng là ông Huỳnh Văn K và 01 người con là Huỳnh Văn L1 là liệt sỹ nên hàng tháng bà T2 được lãnh tiền trợ cấp số tiền 10.000.000 đồng. Từ số tiền lãnh trợ cấp hàng tháng, bà T2 dành dụm, tiết kiệm mua vàng, bà T2 mua vàng rất nhiều lần, mỗi lần mua 01 chỉ vàng 24k, bà T2 mua vàng trong thời gian dài từ nguồn tiền trợ cấp hàng tháng của bà T2. Trong thời gian bà T2 sống chung với bà T có mua được 13 chỉ 05 phân vàng 24k từ nhiều năm trước đó. Bà T2 đã gửi cho bà T giữ dùm số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k do bà T2 đã già yếu và lớn tuổi. Đến đầu năm 2020, bà T2 không còn sống chung với bà T. Bà T2 về sống chung nhà với bà Huỳnh Thị T1; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; là con ruột của bà T2. Ông P1 là người đi rước bà T2 về nhà của bà T1. Tại thời điểm đó, ông P1 có hỏi bà T là tiền và vàng của bà T2 còn lại bao nhiêu và sổ lãnh tiền hàng tháng của bà T2 đâu. Bà T xác định bà T2 còn lại số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn vàng 14k có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k; trong đó có 12 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24k

và 01 chiếc nhẫn trọng lượng 1,5 chỉ vàng 24k. Bà T đã giao cho ông P1 nhận dùm cho bà T2 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, 01 sổ bảo hiểm xã hội, số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k. Tại thời điểm nhận sổ lãnh tiền hàng tháng, sổ bảo hiểm xã hội, nhận tiền và vàng của bà T2 thì bà T có kêu ông P1 ký nhận vào biên nhận ngày 13/02/2020, biên nhận đề ngày 13/02/2020 do bà T đã lập. Ông P1 xác định chữ ký và chữ viết P1 tại biên nhận đề ngày 13/02/2020 là của ông P1. Mục đích ông P1 ký tên vào biên nhận vào ngày 13/02/2020 để xác nhận bà T có đưa cho ông P1 nhận 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, sổ bảo hiểm xã hội, số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn vàng 24k có trọng lương 13 chỉ 05 phân vàng 24k; trong đó có 12 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 và 01 chiếc nhẫn trọng lượng 1,5 chỉ vàng 24k của bà T2. Ông P1 khẳng định không có mượn tiền và vàng của bà T. Đồng thời, nội dung trong biên nhận đề ngày 13/02/2020 chỉ thể hiện bà T có giao cho ông P1 nhận 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, sổ bảo hiểm xã hội, số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn vàng 24k có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k. Tất cả sổ lãnh tiền, số tiền và vàng trên là tài sản của bà T2 giao cho bà T nhận giữ dùm cho bà T2. Biên nhận đề ngày 13/02/2020 hoàn toàn không có thể hiện nội dung bà T cho ông P1 mượn hay vay vàng của bà T. Tại thời điểm ông P1 ký tên vào biên nhận ngày 13/02/2020 thì có ông Trần Hoàng V; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là người chở ông P1 đến nhà của bà T rước bà T2 có ký tên vào người xác nhận sự việc trên. Tại thời điểm, bà T giao vàng, tiền, sổ lãnh tiền trên cho ông P1 nhận thì bà T2 cũng có mặt trực tiếp chứng kiến nhưng bà T2 đã già yếu nên bà T2 đã kêu ông P1 ký nhận dùm để giao lại cho bà T1.

Sau khi nhận xong, ông P1 đã chở bà T2 đến nhà của bà T1 và ông P1 đã giao 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, sổ bảo hiểm xã hội, số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn vàng 24k có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k; trong đó có 12 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 và 01 chiếc nhẫn trọng lượng 1,5 chỉ vàng 24k của bà T2 cho bà T1 nhận để bà T1 chăm sóc bà T2 và lãnh tiền trợ cấp hàng cho bà T2.

Vào ngày 12/10/2024, bà T2 chết. Từ năm 2020 đến khi chết, bà T2 đều sống chung với bà T1. Ông P1 xác định số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k mà ông P1 nhận từ bà T là số vàng của bà T2 đã tiết kiệm mua trong thời gian dài và khi sống chung với bà T thì bà T2 đã giao cho bà T giữ dùm. Khi bà T2 không còn sống chung với bà T thì bà T phải có trách nhiệm giao lại số vàng trên nên bà T đã giao cho ông P1 nhận dùm cho bà T2.

Bà Phạm Thị T2 và ông Huỳnh Văn K chung sống có 06 người con chung gồm: Ông Huỳnh Văn L1 đã chết (không có vợ và con chung), ông Huỳnh Vũ P1; ông Huỳnh Văn D; ông Huỳnh Văn L; bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị T1. Bà Phạm Thị T2 có xây dựng hôn nhân với ông Trần Văn N1 (đã chết). Sau đó,

bà Phạm Thị T2 chung sống với ông Trần Văn N1 có 01 người con chung là ông Trần Văn Ẩ. Ngoài ra, bà T2 không còn người con chung và người con riêng, người con nuôi nào.

Nay, ông Huỳnh Vủ P không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T do ông P không có mượn hoặc vay 14 chỉ 05 phân vàng 24k của bà T mà ông P chỉ nhận từ bà T số vàng của bà T2 là 13 chỉ 05 phân vàng 24k; số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k là tài sản của bà T2. Sau khi nhận vàng xong, ông P đã giao lại số vàng, tiền, sổ trên cho bà T1 để bà T1 nuôi dưỡng bà T2 từ năm 2020 đến khi bà T2 chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Vủ P. Bà T2 lớn tuổi, cần người chăm sóc nên bà T2 về nhà của bà T sống. Trong thời gian sống chung với bà T thì bà T2 cũng thường xuyên đến nhà của bà T1 chơi và ăn cơm. Sau đó, bà T2 không còn sống chung với bà T mà bà T2 về nhà của bà T1 sống chung với bà T1 nhưng bà T1 không nhớ vào thời gian nào chỉ nhớ bà T2 sống ở nhà của bà T1 một thời gian rất lâu cho đến khi bà T2 chết vào ngày 12/9/2024. Trong thời gian sống chung với bà T1 thì bà T2 có bị té gãy chân; hàng tháng bà T1 nhận tiền trợ cấp của bà T2 khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Khi bà T2 đã về nhà bà T1 sống thì ông P có đến nhà của bà T1 giao cho bà T1 nhận sổ lãnh tiền, sổ bảo hiểm và 12 chiếc nhẫn trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k, các chiếc nhẫn này có trọng lượng khác nhau nhưng bà T1 không nhớ chính xác từng chiếc nhẫn có trọng lượng cụ thể là bao nhiêu và bà T1 cũng không nhớ thời gian cụ thể nào do thời gian quá lâu. Khi ông P giao cho bà T1 nhận sổ lãnh tiền, sổ bảo hiểm và 12 chiếc nhẫn trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k thì ông P có nói đây là số vàng của bà T2 gửi cho bà T giữ dùm và ông P vừa mới đến nhà bà T lấy về giao lại cho bà T1. Ông P giao cho bà T1 giữ số vàng trên để bà T1 chăm sóc lo chi phí sinh hoạt bà T2. Còn việc ai kêu ông P đến nhà bà T lấy số vàng và giấy tờ của bà T2 về thì bà T1 không biết. Trước khi ông P giao cho bà T1 nhận 12 chiếc nhẫn trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k của bà T2 thì bà T1 hoàn toàn không biết bà T2 có số vàng trên và bà T2 cũng không có nói cho bà T1 biết việc bà T2 sống tại nhà của bà T như thế nào.

Trong thời gian bà T1 chăm sóc bà T2 thì bà T1 đã bán hết 12 chiếc nhẫn trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k để cho chi phí sinh hoạt cho bà T2 do tiền trợ cấp hàng tháng của bà T2 không đủ để lo chi phí sinh hoạt của bà T2. Tuy nhiên, khi bà T2 bán số vàng trên để lo chi phí sinh hoạt cho bà T2 thì bà T1 không có nói cho các anh em trong gia đình của bà T1 biết do bà T1 nghĩ đây là số vàng của bà T2 thì bà T1 bán để lo chi phí sinh hoạt cho bà T2. Từ trước cho đến nay, bà T1 không có nghe việc bà T đưa vàng cho ông P gửi tiết kiệm dùm cho bà T. Bà T1 cũng không có trực tiếp chứng kiến việc bà T giao cho ông P

nhận sổ lãnh tiền, sổ bảo hiểm và nhận 12 chiếc nhẫn trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà T1 không đặt ra yêu cầu chia số vàng trên do số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k là của bà T2 và bà T1 đã bán hết số vàng trên để lo chi phí sinh hoạt cho bà T2. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ẩ trình bày: Ông Trần Văn Ẩ là anh em cùng mẹ khác cha với bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Vũ P1. Bà Phạm Thị T2 (đã chết) và ông Trần Văn N1 (đã chết) là cha mẹ ruột của ông Ẩ. Trước khi chung sống với ông Trần Văn N1 thì bà Phạm Thị T2 đã chung sống với ông Huỳnh Văn K (đã chết) có 06 người con chung gồm: Ông Huỳnh Văn L1 đã chết (không có vợ và con chung); ông Huỳnh Vũ P1; ông Huỳnh Văn D; ông Huỳnh Văn L; bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị T1.

Bà T2 sống chung nhà với bà T vào khoảng năm 2016. Khi đó, bà T2 lấy cho ông Ẩ xem khoảng 04-05 chiếc nhẫn trọng lượng khoảng 04-05 chỉ vàng 24k. Lúc đó, bà T2 có ý định cho ông Ẩn số vàng trên nhưng ông Ẩ không đồng ý nhận kêu bà T2 để dành dưỡng già hoặc để sau này xây nhà mồ. Trong thời gian bà T2 sống chung với bà T thì ông Ẩ có đến thăm bà T2 tại nhà của bà T. Trong những lần ông Ẩ ghé thăm bà T2 thì bà T có trực tiếp nói với ông Ẩ biết có dành dụm tiền trợ cấp của bà Tư L2 hàng tháng mua được khoảng 01 lượng vàng 24k cho bà T2 nhưng ông Ẩ không có hỏi rõ bà T đã dành dụm mua số vàng cho bà T2 là cụ thể bao nhiêu vàng, chỉ biết bà T2 đã dành dụm mua được khoảng hơn 01 lượng vàng 24k. Việc bà T2 giao vàng cho bà T giữ thì do bà T2 trực tiếp nói cho ông Ẩ biết. Khi bà T2 sống chung với bà T thì bà T là người được ủy quyền nhận tiền trợ cấp hàng tháng cho bà T2. Bà T2 được lãnh tiền trợ cấp hàng tháng do bà T2 là mẹ Việt Nam anh hùng nhưng ông Ẩ không biết hàng tháng bà T2 nhận cụ thể bao nhiêu tiền. Sổ lãnh tiền của bà T2 hiện nay do ông Ẩ đang quản lý.

Ông Ẩ xác định ông P1 và bà T1 đều có nói cho ông Ẩ biết ông P1 đã nhận từ bà T 13 chiếc nhẫn có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k và ông P1 đã giao số vàng và sổ lãnh tiền cho bà T1 giữ. Đồng thời, bà T1 cũng thừa nhận với ông Ấ có nhận 13 chiếc nhẫn 13 chỉ 05 phân vàng 24k của ông P1 giao cho bà T1. Sau khi bà T2 chết thì ông Huỳnh Văn L có hỏi bà T1 về số vàng của bà T2 là 13 chỉ 05 phân vàng 24k gửi cho bà T1 giữ để cất nhà mồ cho bà T2 thì bà T1 đã nói tiêu sài hết trong thời gian chăm sóc bà T2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông Ẩ không đặt ra yêu cầu chia số vàng trên trong trường hợp số vàng trên là của bà T2 mà ông Ẩ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xác định số vàng trên của bà T hay của bà T2 đưa cho bà T giữ dùm cho bà T2. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L trình bày: Ông Huỳnh Văn L là anh em ruột với bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Vủ P. Ông L bận đi làm thuê, không thường xuyên có ở nhà và địa phương. Trong một lần ông L về thăm bà T2 nhưng ông L không nhớ thời gian nào thì ông L được ông P và ông Huỳnh Văn D nói lại cho ông L biết sự việc bà T2 không sống được ở nhà bà T nữa do bất mãn con rể nên bà T2 đã về sống chung với bà T1. Trong thời gian sống tại nhà của bà T thì bà T2 có dành dụm từ tiền trợ cấp hàng tháng trong thời gian dài mua được số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k gửi cho bà T giữ dùm. Khi bà T2 về sống chung với bà T1 thì ông P có đến nhà của bà T nhận 13 chiếc nhẫn có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k và sổ sách lãnh tiền hàng tháng của bà T2 do bà T giao cho ông P rồi về đưa lại cho bà T1 giữ để sau này cất nhà mồ cho bà T2. Ông L chỉ được nghe ông P và ông D kể cho ông L nghe sự việc trên. Các sự việc khác xảy ra thì ông L không biết. Do ông L không có thường xuyên về nhà thăm bà T2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông L không đặt ra yêu cầu chia số vàng trên trong trường hợp số vàng trên là của bà T2 mà ông L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xác định số vàng trên của bà T hay của bà T2 đưa cho bà T giữ dùm cho bà T2. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D: Không có ghi nhận được lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Huỳnh Vủ P.

Từ nội dung trên, Bản án số 34/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau) quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1) về việc yêu cầu ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1) có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T 14 chỉ 05 phân vàng 24k (Loại vàng lưu hành thị trường).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1) trả cho bà 1 chỉ 05 phân vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị T là Luật sư Lương Thị Hồng M trình bày ý kiến tranh luận: Ông P1 là anh ruột của bà T.

Vào ngày 13/02/2020, bà T đã giao cho ông P1 nhận số 14 chỉ 05 phân vàng 24k để ông P1 gửi tiết kiệm lấy tiền lãi suất được thể hiện tại biên nhận lập ngày 13/02/2020. Ông P1 thừa nhận chữ ký và chữ viết tại biên nhận lập ngày 13/02/2020 là của ông P1. Ông P1 cũng thừa nhận có nhận từ bà T 13 chỉ 05 phân vàng 24k nhưng ông P1 lại cho rằng ông P1 nhận số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k từ bà T là nhận vàng dùm cho bà T2 nhưng ông P1 lại không có chứng cứ gì chứng minh số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k là của bà T2. Trong trường hợp số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k là của bà T2 thì bà T phải giao số vàng trên cho bà T2, chứ không phải giao cho ông P1. Mặt khác, thời gian bà Phạm Thị T2 sống với bà T thì tiền trợ cấp hàng tháng bà Tư L2 còn ít so với thời gian bà T2 sống với bà T1. Tuy nhiên trong thời gian bà T2 sống chung với bà T1 đã bán hết 13 chỉ 05 phân vàng 24k đã nhận từ ông P1 để lo chi phí sinh hoạt cho bà T2. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T; buộc ông P1 có nghĩa vụ trả cho bà T 14 chỉ 05 phân vàng 24k.

Bà Huỳnh Thị T trình bày ý kiến tranh luận: Thống nhất với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Đồng thời có ý kiến bổ sung, bà cho rằng số vàng trên là tài sản của vợ chồng bà dành dụm để dưỡng già nhưng bà đã giao cho ông P1 gửi tiết kiệm dùm bà nên bà yêu cầu ông P1 giao trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Vủ P là bà Trịnh Hồng N trình bày: Ông P xác định nguồn gốc số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k là của bà T2, là mẹ ruột của ông P và bà T. Bà T2 đã dành dụm từ tiền trợ cấp hàng tháng của bàTư để mua 13 chỉ 05 phân vàng 24k trong thời gian dài; lời trình bày của ông P phù hợp với lời trình bày của ông Trần Hồng Q, ông Trần Văn Ẳ, ông Huỳnh Văn L, ông Trần Hoàng V và bà Huỳnh Thị T1 và bà Huỳnh Thị T1 cũng thừa nhận có nhận số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án số 34/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị T gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Vủ P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Văn Â1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt; sự vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ông Huỳnh Vủ P có nghĩa vụ giao trả cho bà 14 chỉ 05 phân vàng 24k mà ông P đã nhận của bà theo biên nhận ngày 13/02/2020. Ông P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T do ông P không có mượn hoặc vay 14 chỉ 05 phân vàng 24k của bà T mà ông P chỉ nhận từ bà T số vàng của bà Phạm Thị T2 là 13 chỉ 05 phân vàng 24k (số vàng này là của bà T2). Sau khi nhận vàng, ông P đã giao lại vàng, tiền trên cho bà Huỳnh Thị T1 để bà T1 nuôi dưỡng bà T2 từ năm 2020 cho đến khi bà T2 chết.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T yêu cầu ông Huỳnh Vủ P có nghĩa vụ giao trả cho bà T 14 chỉ 05 phân vàng 24k, thấy rằng:

[2.2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Thủy cung C cho Tòa án 01 biên nhận ngày 13/02/2020 thể hiện nội dung ông P có nhận 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, 01 sổ xã hội hàng tháng, số vàng 01 cây ba năm phân (13 chiếc) và số tiền 3.730.000 đồng; có ông Trần Hoàng V là người xác nhận; có người giao là bà Huỳnh Thị T, người nhận ông Huỳnh Vủ P. Ông P thừa nhận chữ ký và chữ viết đúng là của ông P tại biên nhận trên. Tuy nhiên, ông P xác định mục đích ông P ký tên vào biên nhận vào ngày 13/02/2020 để xác nhận bà T có đưa cho ông P nhận dùm cho bà Phạm Thị T2 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, sổ bảo hiểm xã hội, số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn vàng 24k có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k. Ông P xác định toàn bộ tài sản trên là của bà T2 gửi cho bà T giữ dùm cho bà T2. Ông P khẳng định không có mượn tiền và vàng gì của bà T.

Xét thấy, nội dung trong biên nhận đề ngày 13/02/2020 chỉ thể hiện bà T có giao cho ông P nhận 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, 01 sổ bảo hiểm xã hội, số tiền 3.730.000 đồng và 13 chiếc nhẫn vàng 24k có trọng lượng 13 chỉ 05 phân vàng 24k. Biên nhận đề ngày 13/02/2020 hoàn toàn không có thể hiện nội dung bà T cho ông P mượn vàng của bà T; cũng không có nội dung đưa vàng của bà T cho ông P gửi tiết kiệm. Việc giao vàng cùng với giao 01 sổ lãnh tiền hàng tháng, 01 sổ xã hội hàng tháng là của bà Phạm Thị T2. Đồng thời, chữ số 3 sửa thành số 4 là do bà T tự sửa và ông P không thừa nhận có nhận từ bà T số vàng 14 chỉ 05 phân vàng 24k mà ông P chỉ thừa nhận có nhận của bà T 13 chỉ 05 phân vàng 24k là vàng của bà T2 và lời thừa nhận của ông P cũng phù hợp với lời thừa nhận của bà T1 có nhận lại từ ông P 13 chỉ 05 phân 24k nhưng bà T không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên cần căn cứ vào lời thừa nhận của ông P xác định đã nhận từ bà T là 13 chỉ 05 phần vàng 24k.

[2.2.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2024, bà T thừa nhận khi bà T đưa số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k cho ông P nhận có nói là vàng của bà T2. Sau khi nhận số vàng trên, ông P đã đưa số vàng trên cho bà T1 để lo chi phí sinh hoạt, điều trị cho bà T2. Bà T1 thừa nhận có nhận từ ông P số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k. Nội dung trên cũng phù hợp với nội dung biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2024 ông Trần Văn Ấ (con bà Phạm Thị T2 và ông Trần Văn N1) trình bày có trực tiếp nghe bà T nói có dành dụm tiền trợ cấp của bà Tư L2 hàng tháng mua được khoảng 01 lượng vàng 24k cho bà T2 nhưng ông Ấ không hỏi cụ thể bao nhiêu vàng… và tại lời khai ngày 26/3/2025, ông Trần Hoàng V trình bày có nghe bà T nói gửi Quỹ tín dụng để lấy tiền lãi nuôi bà T2. Đồng thời, bà T cũng thừa nhận đã biết được sự việc sau khi ông P nhận vàng từ bà T đã giao lại cho bà T1 nhưng bà T không có ý kiến phản đối; cũng như từ ngày đưa vàng cho đến khi khởi kiện bà T không yêu cầu ông P đưa tiền lãi; cũng không phát sinh giao dịch về tiền lãi giữa bà T và ông P. Nay, bà T thay đổi lời khai cho rằng số vàng trên là của bà T cho ông P mượn để gửi tiết kiệm kiếm lãi hàng tháng là không có cơ sở xem xét.

[2.2.3] Tại phiên tòa, bà T cho rằng số vàng 13 chỉ 05 phân vàng 24k là vàng của bà T nhưng bà T lại không có chứng cứ gì chứng minh 13 chỉ 05 phân vàng 24k là vàng của bà T, không trình bày được việc cho vay vàng tính lãi suất như thế nào, cũng không xác định được mua vàng giá bao nhiêu, mua vào thời gian nào và nguồn thu nhập hàng tháng của gia đình cụ thể là bao nhiêu. Tại biên bản xác minh Trưởng ấp T và Bí Thư ấp T đều xác định giai đoạn trước năm 2015 gia đình bà T thuộc hộ cận nghèo tại địa phương; hiện nay gia đình bà T chỉ đủ ăn; không có dư và đôi lúc có khó khăn.

Ngoài ra, bà T trình bày đưa vàng cho ông P để gửi tiết kiệm lấy tiền lãi nhưng từ ngày giao vàng 13/02/2020 đến ngày khởi kiện 04/11/2024 hơn 04 năm

bà T không yêu cầu ông P đưa tiền lãi, cũng không phát sinh giao dịch về tiền lãi gì giữa bà T và ông P.

[3] Từ những phân tích trên, Bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chứng cứ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T; Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 34/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay Tòa án nhân dân khu vực 7 -Cà Mau) không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Huỳnh Thị T không được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí. Do bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà T được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau)

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 463 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1) về việc yêu cầu ông Huỳnh Vủ P (Huỳnh Vũ P1) có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T 14 chỉ 05 phân vàng 24k (Loại vàng lưu hành thị trường).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Huỳnh Thị T được miễn toàn bộ án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm 34/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay Tòa án nhân dân khu vực 7 -Cà Mau) không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh

Nơi nhận
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh